

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ
trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến theo Quyết định
số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/12/2015 của các Bộ trưởng: Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 26/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ mức lương cơ sở quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016; Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017; Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 177/TTr-SLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. Số đối tượng dân công hỏa tuyến đã từ trần: 230 người;

2. Kinh phí thực hiện: 3.600.600.000 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn*)
(*Chi tiết tại phụ lục và danh sách kèm theo*)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi đảm bảo xã hội được phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố tại Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra giám sát Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân dân công hỏa tuyến kịp thời, đúng định mức theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm giám sát, hướng dẫn công tác thanh quyết toán nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý và chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí cho thân nhân dân công hỏa tuyến, thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

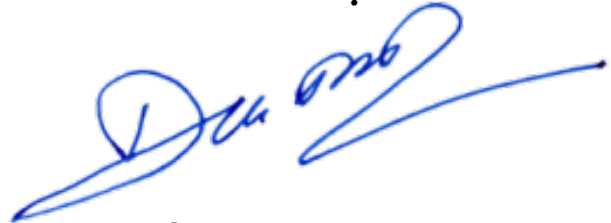
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, VX.NCC89

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

**Phụ lục 1: Tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ
trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến theo
Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)**

TT	Đơn vị	Người	Tổng kinh phí (đ)	Ghi Chú
1	2	3	4	5
1	Thành phố Thanh Hóa	11	179.400.000	06 ĐT X 14.900.000 = 84.400.000 05 ĐT X 18.000.000 = 90.000.000
2	Thành phố Sầm Sơn	15	245.200.000	08 ĐT X 14.900.000 = 119.200.000 07 ĐT X 18.000.000 = 126.000.000
3	Huyện Nga Sơn	21	319.100.000	19 ĐT X 14.900.000 = 283.100.000 02 ĐT X 18.000.000 = 36.000.000
4	Thị xã Nghi Sơn	11	176.300.000	07 ĐT X 14.900.000 = 104.300.000 04 ĐT X 18.000.000 = 72.000.000
5	Huyện Thiệu Hóa	14	217.900.000	11 ĐT X 14.900.000 = 163.900.000 03 ĐT X 18.000.000 = 54.000.000
6	Huyện Quảng Xương	21	337.700.000	13 ĐT X 14.900.000 = 193.700.000 08 ĐT X 18.000.000 = 144.000.000
7	Huyện Hậu Lộc	12	206.700.000	03 ĐT X 14.900.000 = 44.700.000 09 ĐT X 18.000.000 = 162.000.000
8	Huyện Triệu Sơn	21	316.000.000	20 ĐT X 14.900.000 = 298.000.000 01 ĐT X 18.000.000 = 18.000.000
9	Huyện Đông Sơn	12	200.500.000	05 ĐT X 14.900.000 = 74.500.000 07 ĐT X 18.000.000 = 126.000.000
10	Huyện Bá Thước	10	149.000.000	
11	Huyện Thọ Xuân	44	655.600.000	
12	Huyện Hoằng Hóa	30	478.000.000	20 ĐT X 14.900.000 = 298.000.000 10 ĐT X 18.000.000 = 180.000.000
13	Huyện Như Thanh	07	104.300.000	
14	Thị xã Bỉm Sơn	01	14.900.000	
Cộng		230	3.600.600.000	

**Phụ lục 2: Danh sách dân công hỏa tuyến đã từ trần và thân nhân của dân công hỏa tuyến
được trợ cấp mai táng phí theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)**

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
I	Thành phố Thanh Hóa								
1	Trương Thị Kệ	1938	P. Quảng Thành	P. Quảng Thành	2702-2704	04/5/2023	Nguyễn Trọng Tường	Con	14.900.000
2	Nguyễn Thị Tùng	1946	P. Quảng Thành	P. Quảng Thành	1604-1605	25/05/2023	Nguyễn Khắc Sen	Con	14.900.000
3	Đoàn Thị Thân	1942	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	2184	13/06/2023	Lê Bá Nghiêm	Em	14.900.000
4	Hoàng Thị Chỉ	1914	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	1604-1605	14/05/2023	Lê Đình Thơm	Cháu	14.900.000
5	Nguyễn Thị Nhung	1935	P. Đông Vệ	P. Đông Vệ	1952	28/06/2023	Nguyễn Xuân Cương	Con	14.900.000
6	Thiều Thị Thảo	1949	P. Đông Lĩnh	P. Đông Lĩnh	1052-1053	27/03/2023	Phạm Trọng Hải	Con	14.900.000
7	Lê Thị Sang	1930	P. Đông Lĩnh	P. Đông Lĩnh	2702-2704	17/07/2023	Nguyễn Thị Thủy	Con	18.000.000
8	Nguyễn Khắc Đạm	1924	P. Quảng Phú	P. Quảng Phú	1281	05/7/2023	Nguyễn Khắc Luận	Con	18.000.000
9	Lê Thị Tròn	1930	P. Quảng Tâm	P. Quảng Tâm	1052-1053	14/07/2023	Lê Trọng Tiến	Cháu	18.000.000
10	Trần Thị Khởi	1944	P. Thiệu Khánh	P. Thiệu Khánh	711-924	20/07/2023	Ngô Văn Bảo	Chồng	18.000.000
11	Nguyễn Khắc Loại	1930	P. Quảng Thành	P. Quảng Thành	711-924	19/07/2023	Nguyễn Khắc Sen	Con	18.000.000
Cộng : 11 DT					06 DT X 14.900.000 05 DT X 18.000.000		89.400.000 90.000.000		179.400.000
II	Thành Phố Sầm Sơn								
1	Văn Đình Thời	1950	P. Trường Sơn	P. Trường Sơn	1221-1223	04/5/2023	Văn Đình Thịnh	Con	14.900.000
2	Lê Văn Cẩm	1943	P. Quảng Tiến	P. Quảng Tiến	2702-2704	03/6/2023	Lê Văn Hồng	Con	14.900.000

3	Đoàn Thị Thế	1921	P. Quảng Cư	P. Quảng Cư	1048	04/8/2023	Nguyễn Hữu Sáo	Con	18.000.000
4	Trần Thị Lý	1952	P. Quảng Châu	P. Quảng Châu	2184	01/7/2023	Vũ Thị Thanh	Con	18.000.000
5	Hà Thị Nây	1952	P. Quảng Châu	P. Quảng Châu	1052-1053	25/7/2023	Đỗ Thị Lan	Con	18.000.000
6	Lê Thị Phồn	1933	P. Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	2702-2704	30/4/2023	Đàm Khắc Bằng	Con	14.900.000
7	Hoàng Thị Hiến	1930	P. Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	2280	27/7/2023	Lê Văn Doãn	Con	18.000.000
8	Nguyễn Thị Mùi	1930	P. Quảng Vinh	P. Quảng Vinh	2702-2704	09/9/2022	Trương Văn Liên	Con	14.900.000
9	Lê Thị Sắc	1936	P. Quảng Vinh	P. Quảng Vinh	469-470	23/4/2023	Nguyễn Văn Huệ	Con	14.900.000
10	Lê Bá An	1930	Xã Quảng Hùng	Xã Quảng Hùng	3042-3043	31/5/2023	Lê Bá Ngọc	Con	14.900.000
11	Nguyễn Thị Thi	1940	Xã Quảng Hùng	Xã Quảng Hùng	3454	01/7/2023	Lê Văn Cạy	Con	18.000.000
12	Cao Thị Chi	1930	Xã Quảng Đại	Xã Quảng Đại	25	31/01/2023	Thừa Văn Thịnh	Con	14.900.000
13	Phạm Thị Thủy	1938	Xã Quảng Minh	Xã Quảng Minh	1493-1494	07/5/2023	Nguyễn Huy Thanh	Con	14.900.000
14	Nguyễn Trọng Nhâm	1929	Xã Quảng Minh	Xã Quảng Minh	1493-1494	25/7/2023	Lê Thị Thận	Vợ	18.000.000
15	Lê Thị Kỷ	1952	Xã Quảng Minh	Xã Quảng Minh	3042-3043	27/7/2023	Nguyễn Hữu Hòa	Con	18.000.000
	Cộng: 15 DT				08 DT X 14.900.000 07 DT X 18.000.000		119.200.000 126.000.000		245.200.000
III	Huyện Nga Sơn								
1	Phạm Thị Hoa	1946	Xã Nga Hưng	Thị Trấn NS	1052-1053	31/5/2023	Mai Thị Tuyết	Con	14.900.000
2	Đào Thị Dương	1954	Xã Nga Hưng	Thị Trấn NS	711-924	19/6/2023	Ngô Văn Hùng	Con	14.900.000
3	Phạm Thị Thực	1928	Xã Nga Giáp	Xã Nga Tiến	1052-1053	14/6/2023	Phạm Văn Càn	Con	14.900.000
4	Mai Thị Trí	1925	Xã Nga An	Xã Nga Tiến	2184	24/6/2023	Mai Văn Thắng	Con	14.900.000
5	Mai Văn Nhân	1940	Xã Nga Văn	Xã Nga Hải	3454	28/10/2022	Mai Thị Khiếu	Vợ	14.900.000
6	Vũ Thị Thà	1933	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	2019	08/6/2023	Mai Văn Quy	Con	14.900.000
7	Vũ Thị Đễ	1933	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	1281	01/7/2023	Mai Văn Tám	Con	18.000.000
8	Nguyễn Thị Nghiêm	1927	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	1493-1494	16/7/2023	Vũ Huy Nga	Con	18.000.000

9	Mai Văn Chữ	1938	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	2019	18/6/2023	Mai Đức Thuận	Con	14.900.000
10	Nguyễn Thị Còi	1930	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	711-924	14/5/2023	Nguyễn Văn Sỹ	Con	14.900.000
11	Chu Văn Hiền	1950	Xã Nga Điền	Xã Nga Điền	2702-2704	29/6/2023	Mai Thị Mơ	Vợ	14.900.000
12	Nguyễn Thị Ứng	1934	Xã Nga Thái	Xã Nga Thái	3029	10/5/2023	Mai Danh Thử	Con	14.900.000
13	Hoàng Văn Tản	1932	Xã Nga An	Xã Nga An	214	06/4/2023	Hoàng Văn Minh	Con	14.900.000
14	Nguyễn Thị Số	1931	Xã Nga Thiện	Xã Nga Thiện	711-924	09/6/2023	Nguyễn Duy Ba	Con	14.900.000
15	Mai Thị Quyên	1930	Xã Nga Mỹ	Thị Trấn NS	2019	28/4/2023	Phạm Thị Thắng	Con	14.900.000
16	Nguyễn Thị Quý	1946	Xã Nga Mỹ	Thị Trấn NS	3042-3043	23/5/2023	Mai Văn Thông	Chồng	14.900.000
17	Phạm Thị Nhuận	1929	Xã Nga Mỹ	Thị Trấn NS	2702-2704	15/5/2023	Nguyễn Thị Hưng	Con	14.900.000
18	Vũ Chí Dung	1948	Xã Nga Trung	Xã Nga Trung	711-924	24/4/2023	Mai Thị Hoi	Con	14.900.000
19	Mai Thị Dong	1934	Xã Nga Trung	Xã Nga Trung	2019	29/4/2023	Phạm Văn Cảnh	Con	14.900.000
20	Hoả Văn Thực	1949	Xã Nga Nhân	Xã Nga Phụng	1538	25/5/2023	Nguyễn Thị Riêm	Vợ	14.900.000
21	Phạm Bá Hoan	2017	Xã Nga Nhân	Xã Nga Phụng	2527-2529	21/4/2023	Phạm Văn Chung	Con	14.900.000
	Cộng: 21 DT				19 DT X 14.900.000 02 DT X 18.000.000		283.100.000 36.000.000		319.100.000
IV	Thị xã Nghi Sơn								
1	Nguyễn Hữu Chân	1927	Xã Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy	3029	27/6/2023	Nguyễn Xuân Lượng	Con	14.900.000
2	Lê Thị Thủy	1946	Xã Thanh Thủy	Xã Thanh Thủy	1538	03/6/2023	Lương Hữu Luyện	Chồng	14.900.000
3	Lê Thị Oanh	1925	Xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	2019	01/6/2023	Vũ Thị Tú	Con	14.900.000
4	Bùi Thị Yên	1930	Xã Quảng Chính, Quảng Xương	Xã Thanh Sơn	1052-1053	17/7/2023	Lê Ngọc Hải	Con	18.000.000
5	Nguyễn Thị Min	1932	P. Hải Thanh	P. Hải Thanh	692	03/6/2023	Dương Văn Hùng	Con	14.900.000
6	Đỗ Thị Tạo	1932	P. Hải Bình	P. Hải Bình	2184	10/5/2023	Đào Duy Trường	Cháu	14.900.000
7	Lê Thị Cải	1955	P. Hải An	P. Tân Dân	1635	01/7/2023	Bùi Khắc Tập	Chồng	18.000.000

8	Đỗ Việt Ngãi	1932	Xã Định Hải	Xã Định Hải	3042-3043	01/7/2023	Đỗ Việt Bắc	Con	18.000.000
9	Lê Bá Cản	1940	Xã Hùng Sơn	Xã Các Sơn	3029	02/7/2023	Cao Thị Tuyển	Vợ	18.000.000
10	Nguyễn Thị Mau	1950	P. Hải Hòa 1	P. Hải Hòa 1	692	21/6/2023	Nguyễn Thị Trảy	Em	14.900.000
11	Cao Thị Chinh	1954	P. Mai Lâm	P. Mai Lâm	2019	25/6/2023	Lê Công Hoan	Chồng	14.900.000
	Cộng: 11 DT				07 DT X 14.900.000 04 DT X 18.000.000		104.300.000 72.000.000		176.300.000
V	Huyện Thiệu Hóa								
1	Lê Đồng Xướng	1943	Xã Thiệu Giao	Xã Thiệu Giao	1493-1494	29/5/2023	Lê Thị Mai	Vợ	14.900.000
2	Lê Thị Sinh	1952	Xã Thiệu Lý	Xã Thiệu Lý	25	19/6/2023	Lê Trọng Ty	Chồng	14.900.000
3	Hoàng Thị Bi	1933	Xã Thiệu Minh	Xã Minh Tâm	1221-1223	10/5/2023	Hoàng Phan	Con	14.900.000
4	Nguyễn Thị Im	1930	Xã Thiệu Minh	Xã Minh Tâm	2184	31/5/2023	Cao Văn Trường	Cháu	14.900.000
5	Lê Thị Tại	1935	Xã Thiệu Tâm	Xã Minh Tâm	1493-1494	23/5/2023	Lê Trọng Ngân	Con	14.900.000
6	Hoàng Thị Tồn	1935	Xã Thiệu Minh	Xã Minh Tâm	1221-1223	02/6/2023	Lê Như Tâm	Con	14.900.000
7	Ngô Thị Phúc	1921	Xã Thiệu Ngọc	Xã Thiệu Ngọc	1221-1223	27/9/2022	Lê Văn Thục	Con	14.900.000
8	Phạm Thị Nghệ	1930	Xã Thiệu Toán	Xã Thiệu Toán	25	04/7/2023	Đình Quang Ngộ	Con	18.000.000
9	Hoàng Thị Khôi	1934	Xã Thiệu Quang	Xã Thiệu Quang	39-41	14/6/2023	Đỗ Xuân Quyết	Con	14.900.000
10	Nguyễn Thị Kim	1931	Xã Thiệu Thành	Xã Thiệu Thành	1281	06/7/2023	Hoàng Văn Ngọc	Con	18.000.000
11	Lê Văn Đạt	1928	Xã Thiệu Phú	Xã Thiệu Phú	25	17/7/2023	Lê Văn Tiến	Con	18.000.000
12	Vũ Xuân Thời	1933	Xã Thiệu Giang	Xã Thiệu Giang	1604-1605	11/6/2023	Vũ Văn Thục	Con	14.900.000
13	Trịnh Thị Út	1932	Xã Thiệu Giang	Xã Thiệu Giang	1048	13/5/2023	Hàn Duyên Thành	Cháu	14.900.000
14	Hoàng Khắc Bê	1950	Xã Thiệu Tiến	Xã Thiệu Tiến	711-924	21/4/2023	Hoàng Thị Oanh	Vợ	14.900.000
	Cộng: 14 DT				11 DT X 14.900.000 03 DT X 18.000.000		163.900.000 54.000.000		217.900.000
VI	Huyện Quảng Xương								

1	Nguyễn Quang Ngạc	1928	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	3042-3043	08/7/2023	Nguyễn Quang Đa	Con	18.000.000
2	Mai Thị Xế	1925	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	18/7/2023	Lê Thị Loan	Con	18.000.000
3	Trịnh Bùi Sơn	1937	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	09/7/2023	Đới Thị Hoàn	Con	18.000.000
4	Hoàng Thị Ninh	1935	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	24/7/2023	Lê Đình Quế	Con	18.000.000
5	Lê Thị Khả	1946	Xã Quảng Hòa	Xã Quảng Hòa	1268	27/2/2023	Phạm Văn Nghị	Con	14.900.000
6	Nguyễn Văn Dòng	1930	Xã Quảng Hòa	Xã Quảng Hòa	3454	15/6/2023	Đỗ Thị Thê	Con	14.900.000
7	Nguyễn Thị Dận	1922	Xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	2702-2704	14/7/2023	Lữ Ngọc Trung	Con	18.000.000
8	Nguyễn Mậu Ngọ	1953	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	538	10/6/2023	Nguyễn Thị Vạnh	Vợ	14.900.000
9	Nguyễn Thị Phới	1944	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	25	05/6/2023	Trần Anh Soạn	Chồng	14.900.000
10	Văn Thị Trụ	1923	Xã Quảng Trạch	Xã Quảng Trạch	469-470	10/6/2023	Nguyễn Văn Quế	Con	14.900.000
11	Đoàn Thị Bán	1928	Xã Quảng Định	Xã Quảng Định	692	04/7/2023	Đoàn Văn Ba	Con	18.000.000
12	Vũ Thị Thích	1934	Xã Quảng Ngọc	Xã Quảng Ngọc	2019	25/4/2023	Hoàng Văn Trung	Con	14.900.000
13	Trần Thị Dân	1936	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	711-924	19/6/2023	Phạm Thị Bồng	Con	14.900.000
14	Lê Thị Đợi	1936	Xã Quảng Tân	T.Trần Tân Phong	711-924	02/6/2023	Lê Văn Đông	Cháu	14.900.000
15	Hoàng Thị Nguyên	1935	Xã Quảng Nham	Xã Quảng Nham	214	11/5/2023	Hoàng Văn Xô	Con	14.900.000
16	Nguyễn Thị Nhuận	1933	Xã Quảng Nham	Xã Quảng Nham	2019	16/7/2023	Trần Văn Khải	Con	18.000.000
17	Đới Thị Thoát	1931	Xã Quảng Hải	Xã Quảng Hải	1493-1494	03/2/2023	Đoàn Thị Thoa	Con	14.900.000
18	Ngô Thị Quyển	1932	Xã Quảng Yên	Xã Quảng Yên	2527-2529	31/5/2023	Nguyễn Xuân Tuyên	Con	14.900.000
19	Đỗ Thị Ngầm	1935	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hợp	1493-1494	01/6/2023	Trần Văn Chinh	Con	14.900.000
20	Vũ Thị Cát	1939	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hợp	1493-1494	21/5/2023	Trần Thị Mơ	Con	14.900.000
21	Đặng Thị Vồn	1924	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hợp	469-470	18/7/2023	Trịnh Viết Văn	Con	18.000.000
	Cộng : 21 ĐT				13 ĐT X 14.900.000 08 ĐT X 18.000.000		193.700.000 144.000.000		337.700.000

VII	Huyện Hậu Lộc								
1	Nguyễn Thị Tụ	1931	Xã Đa Lộc	Xã Đa Lộc	538	06/3/2023	Kiều Thanh Na	Con	14.900.000
2	Vũ Thị Thiều	1933	Xã Mỹ Lộc	Xã Mỹ Lộc	469-470	15/7/2023	Trương Thị Hoa	Con	18.000.000
3	Lê Thị Cầu	1936	Xã Hải Lộc	Xã Hải Lộc	2702-2704	25/7/2023	Bùi Văn Quang	Con	18.000.000
4	Nguyễn Văn Chuông	1946	Xã Hải Lộc	Xã Hải Lộc	2527-2529	15/7/2023	Lê Thị Chính	Vợ	18.000.000
5	Nguyễn Thị Hẹn	1935	Xã Thành Lộc	Xã Thành Lộc	39-41	18/7/2023	Phạm Tuấn Giảng	Chồng	18.000.000
6	Phan Thị Điền	1935	Xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	469-470	20/7/2023	Nguyễn Văn Thoại	Chồng	18.000.000
7	Nguyễn Thị Cúc	1932	Xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	1604-1605	04/7/2023	Nguyễn Văn Dũng	Con	18.000.000
8	Ngô Thị Ngăn	1930	Thị Trấn Hậu Lộc	Thị Trấn Hậu Lộc	249	25/7/2023	Nguyễn Văn Tài	Con	18.000.000
9	Trịnh Thị Thước	1935	Xã Quang Lộc	Xã Quang Lộc	1048	19/03/2023	Nguyễn Thị Dương	Con	14.900.000
10	Ngô Thị Thước	1940	Xã Quang Lộc	Xã Quang Lộc	39-41	02/7/2023	Nguyễn Văn Chinh	Con	18.000.000
11	Nguyễn Trần Dồn	1930	Xã Liên Lộc	Xã Liên Lộc	2702-2704	22/5/2023	Nguyễn Trần Gia	Con	14.900.000
12	Trương Thị Sửu	1936	Xã Lộc Sơn	Xã Lộc Sơn	2527-2529	26/7/2023	Đỗ Thị Thư	Con	18.000.000
	Cộng: 12 DT				03 DT X 14.900.000 09 DT X 18.000.000		44.700.000 162.000.000		206.700.000
VIII	Huyện Triệu Sơn								
1	Nguyễn Văn Hùng	1945	Xã Hợp Thắng	Xã Hợp Thắng	1574	13/5/2023	Nguyễn Thị Vang	Vợ	14.900.000
2	Phạm Hữu Sáu	1958	Xã Hợp Thắng	Xã Hợp Thắng	616	02/6/2023	Lê Thị Lan	Vợ	14.900.000
3	Nguyễn Thị Nhon	1930	Xã Đồng Thắng	Xã Đồng Thắng	548	03/1/2023	Lê Quang Thị	Con	14.900.000
4	Lê Đức Phú	1930	Xã Thọ Thế	Xã Thọ Thế	1538	24/11/2020	Lê Đức Thịnh	Con	14.900.000
5	Nguyễn Thị Rang	1933	Xã Thái Hoà	Xã Thái Hoà	25	11/12/2021	Đinh Thị Nga	Con	14.900.000
6	Phạm Bá Mỹ	1938	Xã Dân Quyền	Xã Dân Quyền	3029	03/5/2023	Phạm Thị Năm	Vợ	14.900.000
7	Lê Thị Cửu	1936	Xã Vân Sơn	Xã Vân Sơn	3029	02/6/2023	Lê Đình Tư	Con	14.900.000
8	Lê Thị Luốc	1930	Xã Vân Sơn	Xã Vân Sơn	214	01/7/2023	Nguyễn Duy Xuân	Con	14.900.000

9	Vũ Ngọc Tráp	1933	Xã Thái Hoà	Xã Thái Hoà	2527-2529	25/10/2022	Vũ Ngọc Cấp	Con	14.900.000
10	Hoàng Thị Huệ	1939	Xã Thọ Vực	Xã Thọ Vực	2527-2529	16/10/2022	Lê Văn Hùng	Con	14.900.000
11	Nguyễn Thị Uớt	1930	Xã Tiến Nông	Xã Tiến Nông	25	30/5/2023	Nguyễn Thế Hữu	Con	14.900.000
12	Lê Thị Độ	1925	Xã Hợp Lý	Xã Hợp Lý	25	27/3/2023	Lê Sỹ Chức	Con	14.900.000
13	Lê Thị Chự	1933	Xã Đồng Tiến	Xã Đồng Tiến	3029	18/6/2023	Nguyễn Thị Hoạt	Con	14.900.000
14	Đoàn Thị Chon	1930	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thịnh	1052-1053	27/5/2023	Lê Thanh Hà	Con	14.900.000
15	Lê Thị Vân	1933	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thịnh	1952	19/5/2023	Lê Văn Hoan	Con	14.900.000
16	Dương Thị Biểu	1931	Xã An Nông	Xã An Nông	1635	08/6/2023	Đặng Viết Thor	Con	14.900.000
17	Lê Thị Âm	1931	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thịnh	1421	17/6/2023	Lê Hữu Nhân	Con	14.900.000
18	Lê Thị Hối	1949	Xã Dân Quyền	Xã Dân Quyền	1052-1053	18/2/2023	Đỗ Văn Mười	Con	14.900.000
19	Hà Thọ Tặng	1926	Xã Hợp Thắng	Xã Hợp Thắng	25	2/7/2023	Hà Thị Chung	Con	18.000.000
20	Phạm Thị Sâm	1930	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Tiến	2280	19/6/2022	Lê Đức Hạnh	Con	14.900.000
21	Lê Thị Truyện	1924	Xã Hợp Thắng	Xã Hợp Thắng	25	20/9/2020	Lê Huy Cành	Con	14.900.000
	Cộng: 21 DT				20 DT X 14.900.000 01 DT X 18.000.000		298.000.000 18.000.000		316.000.000
IX	Huyện Đông Sơn								
1	Lê Văn Tùng	1939	Xã Đông Khê	Xã Đông Khê	279-280	12/6/2023	Lê Thị Thưởng	Vợ	14.900.000
2	Lê Thị Đậu	1952	Xã Đông Khê	Xã Đông Khê	3454	17/02/2023	Nguyễn Duy Nghị	Con	14.900.000
3	Nguyễn Thị Thoại	1941	Xã Đông Khê	Xã Đông Khê	1604-1605	19/7/2023	Lê Bá Hải	Chồng	18.000.000
4	Nguyễn Huy Bái	1932	Xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa	Xã Đông Văn	249	21/5/2023	Nguyễn Huy Đức	Con	14.900.000
5	Nguyễn Thị Này	1942	Xã Đông Văn	Xã Đông Văn	2019	07/7/2023	Hoàng Đình Lợi	Chồng	18.000.000
6	Lê Thị Dừa	1930	Xã Đông Hòa	Xã Đông Hòa	3454	10/7/2023	Nguyễn Đăng Sâm	Con	18.000.000
7	Trần Thị Vòng	1927	Xã Đông Hòa	Xã Đông Hòa	1052-1053	20/7/2023	Nguyễn Đăng Thông	Con	18.000.000

8	Lê Thị Bưởi	1928	Xã Đông Minh	Xã Đông Minh	1221-1223	02/7/2023	Phạm Thị Xiêm	Cháu	18.000.000
9	Lê Thị Cừ	1944	Phường An Hưng, TP Thanh Hóa	Xã Đông Hoàng	2184	02/7/2023	Lê Đức Ngọc	Chồng	18.000.000
10	Lê Văn Lý	1955	TT Rừng Thông	TT Rừng Thông	809	14/7/2021	Lê Thị Nhung	Vợ	14.900.000
11	Lê Thị Kháng	1924	Xã Đông Phú	Xã Đông Phú	2527-2529	23/06/2023	Lê Văn Hải	Con	14.900.000
12	La Thị Nhự	1936	Xã Đông Thanh	Xã Đông Thanh	185-186	21/07/2023	Lê Tử Hai	Con	18.000.000
	Cộng : 12 DT				05 DT X 14.900.000 07 DT X 18.000.000		74.500.000 126.000.000		200.500.000
X	Huyện Bá Thước								
1	Bùi Thị Bông	1932	Xã Ái Thượng	Xã Ái Thượng	3029	05/6/2023	Trương Công Suất	Con	14.900.000
2	Cao Bằng Phục	1932	Xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	3029	08/5/2023	Cao Bằng Việt	Con	14.900.000
3	Hà Thị Quyết	1937	Xã Thành Lâm	Xã Ái Thượng	3029	13/6/2023	Trương Thị Nga	Con	14.900.000
4	Trương Thị Tó	1922	Xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	1635	11/6/2023	Bùi Thị Xuân	Con	14.900.000
5	Hoàng Văn Nguyên	1930	Xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc	Xã Điền Trung	39-41	09/6/2023	Hoàng Văn Do	Con	14.900.000
6	Bùi Văn Xê	1933	Xã Điền Quang	Xã Điền Quang	1221-1223	10/11/2022	Bùi Văn Lương	Con	14.900.000
7	Bùi Thị Ảnh	1932	Xã Điền Quang	Xã Điền Quang	3029	20/01/2023	Trương Minh Tiến	Con	14.900.000
8	Bùi Thị Dụng	1930	Xã Điền Quang	Xã Điền Quang	3029	16/12/2022	Bùi Đăng Khoa	Con	14.900.000
9	Cao Thế Bằng	1940	Xã Điền Trung	Xã Điền Trung	2184	24/4/2023	Cao Văn Thuận	Con	14.900.000
10	Trương Thị Thu	1928	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy	Xã Lương Nội	3029	15/03/2023	Trương Công Ba	Con	14.900.000
	Cộng: 02 DT								149.000.000
XI	Huyện Thọ Xuân								
1	Trịnh Thị Ân	1929	Xã Nam Giang	Xã Nam Giang	1052-1053	30/04/2023	Lê Sỹ Vĩnh	Cháu	14.900.000
2	Lê Thị Hên	1926	Xã Nam Giang	Xã Nam Giang	249	29/04/2023	Lê Thị Hoa	Con	14.900.000

3	Lê Thị Ánh	1932	Xã Nam Giang	Xã Nam Giang	2702-2704	20/03/2023	Trịnh Xuân Tiệp	Con	14.900.000
4	Lê Thị Ty	1925	Xã Bắc Lương	Xã Bắc Lương	548	07/05/2023	Lê Trọng Hà	Con	14.900.000
5	Trần Thị Ngan	1930	Xã Bắc Lương	Xã Bắc Lương	1421	09/05/2023	Lê Đình Minh	Con	14.900.000
6	Trịnh Đình Phong	1931	Xã Phú Yên	Xã Phú Xuân	2702-2704	09/05/2023	Đình Thị Ngân	Vợ	14.900.000
7	Trịnh Thị Thích	1935	Xã Xuân Yên	Xã Phú Xuân	1604-1605	16/04/2023	Lê Văn Dân	Chồng	14.900.000
8	Lê Thị Nhuận	1931	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	249	07/04/2023	Trịnh Thị Nhài	Con	14.900.000
9	Tô Thị Duyên	1928	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	711-925	22/04/2023	Lê Khả Đồng	Con	14.900.000
10	Hoàng Thị Khuê	1931	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	711-924	04/5/2023	Vũ Huy Thắng	Con	14.900.000
11	Lê Thị Vần	1923	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	1493-1494	27/5/2023	Hoàng Trọng Tuấn	Con	14.900.000
12	Nguyễn Thị Khánh	1936	Xã Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng	3042-3043	22/04/2023	Nguyễn Văn Đào	Con	14.900.000
13	Đỗ Văn Hanh	1927	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	2280	03/05/2023	Đỗ Văn Tự	Con	14.900.000
14	Nguyễn Văn Kén	1937	Xã Thọ Xương	Xã Thọ Xương	1952	23/05/2023	Nguyễn Thị Chuyện	Vợ	14.900.000
15	Nguyễn Thị Sính	1932	TT Thọ Xuân	TT Thọ Xuân	214	28/04/2023	Lê Thị Đào	Con	14.900.000
16	Lê Thị Tại	1920	TT Thọ Xuân	TT Thọ Xuân	214	12/01/2023	Lê Ngọc Thu	Con	14.900.000
17	Lê Thị Tiểu	1930	TT Thọ Xuân	TT Thọ Xuân	711-924	27/5/2023	Lê Thị Tâm	Con	14.900.000
18	Nguyễn Thị Cua	1922	Xã Xuân Minh	Xã Xuân Minh	1604-1605	28/03/2023	Đỗ Văn Mạnh	Con	14.900.000
19	Đỗ Thị Nghiêu	1931	Xã Xuân Minh	Xã Xuân Minh	214	19/04/2023	Nguyễn Văn Quả	Chồng	14.900.000
20	Đỗ Thị Chức	1932	Xã Xuân Minh	Xã Xuân Minh	214	23/04/2023	Mai Thị Thái	Con	14.900.000
21	Nguyễn Thị Lữ	1921	Xã Xuân Minh	Xã Xuân Minh	2527-2529	23/5/2023	Đỗ Thị Túy	Con	14.900.000
22	Lê Thị Đước	1931	Xã Xuân Sinh	Xã Xuân Sinh	25	11/5/2023	Lê Văn Thành	Con	14.900.000
23	Đỗ Xuân Quyết	1927	Xã Xuân Sinh	Xã Xuân Sinh	25	08/6/2023	Đỗ Xuân Tiến	Con	14.900.000
24	Nguyễn Hữu Hoan	1936	Xã Xuân Sinh	Xã Xuân Sinh	3454	02/07/2022	Lê Thị Xuân	Vợ	14.900.000
25	Lê Thị Minh	1924	Xã Xuân Sinh	Xã Xuân Sinh	2702-2704	26/04/2023	Lê Duy Báu	Con	14.900.000

26	Trịnh Thị Tập	1928	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	538	07/5/2023	Vũ Ngọc Thanh	Con	14.900.000
27	Dương Thị Lập	1933	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	538	25/04/2023	Lê Xuân Sáu	Con	14.900.000
28	Lê Thị Kỳ	1935	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	3454	17/03/2023	Nguyễn Đức Cường	Con	14.900.000
29	Trịnh Thị Ước	1930	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Lập	548	27/03/2023	Bùi Viết Lực	Con	14.900.000
30	Đỗ Thị Thi	1931	Xã Xuân Lập	Xã Xuân Lập	2527-2529	01/04/2023	Bùi Văn Khang	Con	14.900.000
31	Đỗ Thị Tỷ	1922	Xã Xuân Lập	Xã Xuân Lập	2702-2704	02/02/2023	Đỗ Huy Niều	Con	14.900.000
32	Trịnh Thị Xe	1920	Xã Xuân Lập	Xã Xuân Lập	2702-2704	01/5/2023	Đỗ Đình Vinh	Con	14.900.000
33	Lại Thị Đức	1935	Xã Thuận Minh	Xã Thuận Minh	25	30/5/2023	Trần Thị Chính	Con	14.900.000
34	Lê Thị Thỉnh	1928	Xã Thuận Minh	Xã Thuận Minh	538	07/3/2023	Lê Thị Liên	Con	14.900.000
35	Trịnh Thị Thinh	1932	Xã Xuân Lai	Xã Xuân Lai	214	13/6/2023	Hà Duyên Thơm	Con	14.900.000
36	Lê Sỹ Dự	1922	Xã Thọ Lộc	Xã Thọ Lộc	711-924	24/5/2023	Lê Sỹ Hào	Con	14.900.000
37	Hoàng Thị Thông	1931	Xã Thọ Lộc	Xã Thọ Lộc	249	28/5/2023	Lê Bá Tân	Chồng	14.900.000
38	Tổng Thị Bùi	1922	Xã Thọ Lập	Xã Thọ Lập	25	16/04/2023	Hoàng Văn Lâm	Con	14.900.000
39	Cao Thị Diễm	1933	Xã Thọ Lập	Xã Thọ Lập	25	10/6/2023	Lê Văn Lộc	Con	14.900.000
40	Vũ Thị Tuy	1933	Xã Xuân Giang	Xã Xuân Giang	1635	04/5/2023	Đỗ Văn Sơn	Con	14.900.000
41	Lê Thị Là	1926	Xã Tây Hồ	Xã Tây Hồ	3042-3043	3/4/2023	Hoàng Văn Định	Con	14.900.000
42	Lê Thị Chấy	1934	Xã Xuân Thiên	Xã Xuân Thiên	2019	03/5/2023	Chu Văn Sơn	Con	14.900.000
43	Nguyễn Văn Xuyên	1930	Xã Xuân Thiên	Xã Xuân Thiên	3029	17/5/2023	Nguyễn Thị Vinh	Con	14.900.000
44	Nguyễn Thị Khương	1927	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	2702-2704	28/8/2022	Phạm Văn Như	Chồng	14.900.000
	Cộng: 44 DT								655.600.000
XII	Huyện Hoằng Hóa								
1	Lê Vạn Thanh	1932	Xã Hoằng Châu	Xã Hoằng Châu	538	05/7/2023	Trần Thị Mạnh	Vợ	18.000.000
2	Nguyễn Thị Duyên	1930	Xã Hoằng Châu	Xã Hoằng Châu	469-470	15/6/2023	Lê Thế Suốt	Con	14.900.000

3	Nguyễn Thị Luật	1938	Xã Hoàng Phượng	Xã Hoàng Phượng	3042-3043	03/6/2023	Nguyễn Đức Chiến	Con	14.900.000
4	Trương Thị Hồ	1935	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	1281	27/6/2023	Nguyễn Thoan	Chồng	14.900.000
5	Bùi Thị Thược	1928	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	1604-1605	05/7/2022	Nguyễn Quang Hạnh	Con	14.900.000
6	Lê Thị Liên	1935	Xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	1493-1494	20/6/2023	Lê Đức Thành	Con	14.900.000
7	Lê Thị Đàm	1933	Xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	1604-1605	08/6/2023	Lê Thị Thu	Con	14.900.000
8	Lê Trọng Hằng	1950	Xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	711-924	10/6/2023	Lê Thị Thu	Vợ	14.900.000
9	Nguyễn Thị Mơ	1940	Xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	692	06/7/2023	Nguyễn Văn Hạnh	Con	18.000.000
10	Lê Thị Thất	1923	Xã Hoàng Trường	Xã Hoàng Trường	2527-2529	31/5/2023	Hồ Đức Xanh	Con	14.900.000
11	Hoàng Văn Đàm	1936	Xã Hoàng Đạo	Xã Hoàng Đạo	1952	28/6/2023	Hoàng Thị Lờ	Vợ	14.900.000
12	Trịnh Thị Giảng	1948	Xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	2280	19/7/2023	Lê Bá Khánh	Chồng	18.000.000
13	Nguyễn Xuân Hòa	1920	Xã Hoàng Đồng	Xã Hoàng Đồng	2527-2528	24/12/2022	Lê Thị Khánh	Con	14.900.000
14	Lê Thị Kỳ	1932	Xã Hoàng Thái	Xã Hoàng Thái	39-41	01/7/2023	Nguyễn Quang Huy	Chồng	18.000.000
15	Lê Nhân Hờm	1941	Xã Hoàng Quỳ	Xã Hoàng Quỳ	2702-2704	31/5/2023	Lê Thị Miến	Vợ	14.900.000
16	Lê Đình Úc	1927	Xã Hoàng Quỳ	Xã Hoàng Quỳ	2019	14/12/2022	Tào Thị Nhi	Vợ	14.900.000
17	Phạm Thị Sinh	1930	Xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Trinh	1538	11/6/2023	Trần Khắc Long	Con	14.900.000
18	Cao Thị Tý	1936	Xã Hoàng Tiến	Xã Hoàng Tiến	711-924	14/7/2023	Lê Khắc Dự	Con	18.000.000
19	Lê Thị Đường	1928	TT Bút Sơn	TT Bút Sơn	1774-1775	11/7/2023	Nguyễn Thị Liên	Con	18.000.000
20	Lê Thị Tý	1937	Xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	2527-2529	31/01/2023	Lê Thị Hoan	Con	14.900.000
21	Lê Thị Liên	1952	Xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	25	08/7/2023	Đào Văn Thịnh	Chồng	18.000.000
22	Nguyễn Hữu Tâm	1925	Xã Hoàng Thành	Xã Hoàng Thành	1048	01/6/2023	Nguyễn Thị Nụ	Con	14.900.000
23	Lê Văn Thế	1949	Xã Hoàng Thành	Xã Hoàng Thành	214	02/7/2023	Lê Thị Tý	Vợ	18.000.000
24	Nguyễn Thị Khánh	1938	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	2527-2529	16/7/2023	Nguyễn Thị Hường	Con	18.000.000
25	Lường Thị Hự	1931	Xã Hoàng Lưu	Xã Hoàng Lưu	2527-2529	23/6/2023	Trương Sỹ Toan	Con	14.900.000

